

# Trường Tiểu Học Star View

## 2020-21 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường

### Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

#### Tổng quan

Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học ( SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại [www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/](http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/)

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem trang Web về LCFF của CDE tại [www.cde.ca.gov/fq/aa/lc/](http://www.cde.ca.gov/fq/aa/lc/)

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại [dq.cde.ca.gov/dataquest/](http://dq.cde.ca.gov/dataquest/) có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) [www.caschooldashboard.org/](http://www.caschooldashboard.org/) chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

#### Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

## Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2021 – 2022

<b>Tên Trường</b>	Trường Tiểu Học Star View
<b>Đường</b>	8411 Worthy Drive
<b>Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip</b>	Midway City, CA 92655
<b>Số điện thoại</b>	(714) 897-1009
<b>Hiệu trưởng</b>	Paul Kraft
<b>Địa chỉ Email</b>	pkraft@ovsd.org
<b>Website Trường</b>	star.ovsd.org
<b>Mã Học khu của Quận (CDS)</b>	30-66613-6029706

## Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

<b>Tên Học khu</b>	Học Khu Ocean View
<b>Số điện thoại</b>	(714) 847-2551
<b>Giám đốc</b>	Dr. Carol Hansen
<b>Địa chỉ Email</b>	chansen@ovsd.org
<b>Website Học khu</b>	www.ovsd.org

## Tổng quan trường học năm học 2021 – 2022

Trường Tiểu Học Star View là trường GATE Magnet được thành lập gần đây nhất trong Học khu Ocean View, là ngôi trường năng động và độc đáo trong số mười trường tiểu học trong Học khu Ocean View. Mặc dù phần lớn Học Khu nằm ở thành phố Huntington Beach, Star View phục vụ học sinh đến từ Westminster, Midway City và Fountain Valley. Tổng thể học sinh hiện tại phản ánh sự đa dạng chủng tộc trong cộng đồng chúng tôi và là điểm khiến Trường Star View nổi bật trong cộng đồng. Star View tự hào là ngôi trường đón nhận Giải thưởng Trường Xuất sắc của California các năm 2012, 2018 và 2020 và Giải thưởng Danh dự vào năm 2016. Năm nay, Star View được vinh danh với giải thưởng Giải thưởng Trường Xuất sắc của CA nhờ các thành tích giáo dục nổi bật của tập thể nhà trường trong việc thu hẹp khoảng cách thành tích học tập của tất cả học sinh. Điểm mạnh nổi bật của Star View là khả năng viết. Bạn sẽ tìm thấy bằng chứng về hoạt động giảng dạy kỹ năng viết chất lượng cao và ví dụ về các bài viết xuất sắc của học sinh ở mỗi lớp, từ Mẫu giáo Chuyển tiếp cho đến lớp 5.

Không khí của một ngôi trường hiện đại, không khí ấm áp và đầy tình thương được cân bằng bởi tính chuyên nghiệp và cam kết giúp học sinh thành công ở mức cao nhất. Các giáo viên của Trường Tiểu học Star View luôn tự hào vì năng lực chuyên môn cao dựa trên các hoạt động hiện tại và thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm với nhau và với các trường khác trong Học khu. Chúng tôi thực hiện nhiều chiến lược giảng dạy khác nhau để đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh, giúp học sinh học tập ngày càng tốt hơn, khuyến khích tính độc lập, hình thành nhân cách và khuyến khích học sinh liên tục học tập không ngừng. Cam kết giúp tất cả học sinh thành công của Trường Tiểu học Star View là kết quả của sự hợp tác toàn diện giữa cha mẹ, học sinh, cộng đồng và nhân viên của trường. Chúng tôi cùng nhau phấn đấu để đáp ứng các nhu cầu của từng học sinh trong một môi trường trọng lễ nghĩa và đầy tình thương.

Nhiệm vụ của Trường Tiểu học Star View và Học khu Ocean View là cung cấp cho tất cả học sinh một chương trình học tập chất lượng cao, qua đó: đáp ứng các nhu cầu về cá nhân, xã hội, tâm tư và sức khỏe của học sinh; xây dựng một môi trường khuyến khích việc học tập cần thiết cho mỗi học sinh để đạt được kiến thức và kinh nghiệm cao nhất; hình thành trong mỗi học sinh lòng tự trọng và triết lý vì nhân cách cao thượng và các giá trị đạo đức, xây dựng ý thức vì mối quan hệ tương tác giữa từng cá nhân với xã hội và môi trường.

Hồ Sơ Trường Học và Học Khu

## Tổng quan trường học năm học 2021 – 2022

Trường Tiểu Học Star View nằm ở phía Tây của thành phố Huntington Beach và bao gồm học sinh từ mẫu giáo chuyển đổi cho đến lớp năm theo lịch truyền thống. Học khu Ocean View nằm ở phía tây Quận Cam và đang có hơn 8.000 học sinh từ mẫu giáo đến lớp tám. Học khu Ocean View nỗ lực đem đến chất lượng giáo dục vượt trội và tiến bộ học tập liên tục của toàn bộ học sinh, với phương châm: “Tầm nhìn Ocean ngày nay, nơi Thành tích Học tập và Mối quan hệ tương tác đặt lên hàng đầu.”

## Giới thiệu về Trường

### 2021-22 Học sinh Ghi danh theo Cấp lớp

Cấp lớp	Số Học sinh
Mẫu giáo	90
Lớp 1	56
Lớp 2	66
Lớp 3	64
Lớp 4	59
Lớp 5	76
Tổng Ghi danh	411

### 2020-21 Học sinh Ghi danh theo Nhóm Học sinh

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	49.1
Nam	50.9
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.2
Người gốc Châu Á	56.9
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.5
Người Phi Luật Tân	1.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	21.9
Người Hawai hoặc Người Các Đảo	0.5
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	4.9
Người Da trắng	13.4
Sinh viên nói tiếng anh	25.1
Những đứa con nuôi	0.5
Vô gia cư	5.8
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	61.6
Học sinh khuyết tật	13.9

## A. Điều kiện Học tập

## Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Giám sát: For more information refer to the Updated Teacher Equity Definitions web page at <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

### Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2019 – 2020

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ	18
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0
Không xác định	0
Tổng số vị trí giảng dạy	18

Giám sát: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

### Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0
Bổ nhiệm sai	0
Các vị trí còn trống	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	0

### Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo

Chỉ báo	2019-20
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận miễn trừ	0
Tùy chọn phân công nội bộ	0
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0

## Phân công lớp học năm học 2019 – 2020

Chi báo	2019-20
<b>Bỏ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	0
<b>Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	0

## 2021-22 Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy

Tất cả sách giáo khoa được sử dụng trong chương trình giảng dạy cốt lõi tại Star View đều tương ứng với các Tiêu chuẩn Nội dung và Khuôn khổ của California bởi quá trình áp dụng được tiểu bang lập ra. Sau khi Hội đồng Giáo dục Tiểu bang áp dụng các tài liệu giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn, Học khu đã thử nghiệm trên thực tế các tài liệu đó và sau đó áp dụng theo Chính sách của Hội đồng Giáo dục. Mỗi trường đều có đầy đủ tài liệu được sử dụng làm tài liệu hướng dẫn cốt lõi. Chu trình tiếp nhận đã được tuân thủ và tất cả sinh viên đều có thể tiếp cận các tài liệu mới. Tất cả các trường đều sử dụng tài liệu và tài nguyên bổ sung cho từng cơ sở cụ thể.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

Tháng 10 năm 2021

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
<b>Đọc/Ngôn ngữ</b>	McGraw Hill Reading Wonders Áp dụng năm 2017	Có	0
<b>Toán</b>	McGraw-Hill My Math Áp dụng năm 2015	Có	0
<b>Khoa học</b>	McGraw-Hill School Division Macmillan/McGraw-Hill California Science Áp dụng năm 2008	Có	0
<b>Lịch sử-Khoa học Xã hội</b>	Harcourt School Publishers Reflections: California Series Áp dụng năm 2006	Có	0

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Vào tháng 11/2016, Học Khu Ocean View (OVSD) đã thông qua Dự Luật R, dự luật công phổ phiếu nghĩa vụ tổng quát, với số tiền 169 triệu đô-la. Đây là công khổ phiếu đầu tiên từng được thông qua trong lịch sử 143 năm của OVSD. Chương trình công khổ phiếu được thiết kế để cải tạo những ngôi trường có niên đại cũ từ những năm 1960/1970 trở thành môi trường học tập hiện đại. Hoạt động thi công bắt đầu vào cuối tháng 6 năm 2018 và dự kiến mất khoảng 8 năm để hoàn tất vào năm học 2024/2025.

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Học Khu hiện đang tiến hành bảo trì toàn bộ các cơ sở hạ tầng hiện tại để đảm bảo tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và là môi trường giáo dục truyền cảm hứng cho tất cả học sinh học tập, trưởng thành, nhiệt huyết và sẵn sàng đương đầu thử thách. Nhân viên trông coi của trường và bảo trì của học khu phối hợp để đảm bảo công tác điều hành và sửa chữa cần thiết được thực hiện, từ đó hoàn thành mục tiêu duy trì tình trạng cơ sở vật chất tốt tại các trường học đúng hạn. Nhân viên trường và Học Khu ứng dụng hệ thống lệnh làm việc toàn diện để liên lạc về các yêu cầu bảo trì thường lệ và phát sinh. Sửa chữa khẩn cấp luôn được ưu tiên ở mức cao nhất.

Từ góc độ điều hành, người trông coi kiểm tra cơ sở để phát hiện các mối nguy hiểm đối với sự an toàn và những điều kiện khác cần lưu ý trước khi học sinh và nhân viên ra vào khuôn viên trường học. Người trông coi làm việc ban ngày toàn thời gian hoặc hai người trông coi buổi tối bán thời gian đều được bổ nhiệm cho mỗi trường. Người trông coi ban ngày chịu trách nhiệm:

- Dọn dẹp/sắp xếp khu vực ăn trưa
- Bảo trì khuôn viên chung
- Giữ gìn khuôn viên
- Dọn nhà vệ sinh

Nhà vệ sinh được kiểm tra thường xuyên trong ngày để đảm bảo sạch sẽ và được dọn dẹp lại nếu cần. Người trông coi buổi tối chịu trách nhiệm:

- Vệ sinh phòng học
- Vệ sinh khu vực văn phòng
- Dọn nhà vệ sinh

Hiệu trưởng giữ liên lạc liên tục với Giám Sát Viên Bảo Trì và Điều Hành và nhân viên trông coi về vấn đề bảo trì và an toàn trường học.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Ngày 12 tháng 11 năm 2021

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tỷ lệ Tốt	Tỷ lệ Bình thường	Tỷ lệ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cống rãnh	X			
<b>Bên trong:</b> Các Bề Mặt Bên trong	X			
<b>Sạch Sẻ:</b> Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
<b>Điện</b>	X			
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
<b>Bảo vệ:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

## Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
X			

## B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

### Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

### Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

### Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.



## Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu này không khả dụng do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc tạm dừng bài kiểm tra tổng kết. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 2021. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 2021 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 2021 với các năm học khác là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
<b>Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

## 2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	194	1	0.52	99.48	--
<b>Nữ</b>	95	0	0	100	--
<b>Nam</b>	99	1	1.01	98.99	--
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Châu Á</b>	115	1	0.87	99.13	--
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	38	0	0	100	--
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0	0	0	0	0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	30	0	0	100	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	44	1	2.27	97.73	--
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	24	0	0	100	--
<b>Quốc phòng</b>	12	0	0	100	--
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	120	0	0	100	--
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	27	1	3.7	96.3	--

## 2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	194	1	0.52	99.48	--
<b>Nữ</b>	95	0	0.00	100.00	--
<b>Nam</b>	99	1	1.01	98.99	--
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0	0	0	0	0
<b>Người gốc Châu Á</b>	115	1	0.87	99.13	--
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	38	0	0.00	100.00	--
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0	0	0	0	0
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	30	0	0.00	100.00	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	44	1	2.27	97.73	--
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	24	0	0.00	100.00	--
<b>Quốc phòng</b>	12	0	0.00	100.00	--
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	120	0	0.00	100.00	--
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0	0	0
<b>Học sinh khuyết tật</b>	27	1	3.70	96.30	--

## Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 (i-Ready Reading/Math Diagnostic)

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bắt kỳ học sinh</b>	189	188	99.47%	0.53%	61.17%
<b>Nữ</b>	94	94	100.00%	0.00%	67.02%
<b>Nam</b>	95	94	98.95%	1.05%	55.32%
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0				
<b>Người gốc Châu Á</b>	113	112	99.12%	0.88%	66.96%
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	1	1	100.00%	0.00%	100.00%
<b>Người Phi Luật Tân</b>	2	2	100.00%	0.00%	100.00%
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	38	38	100.00%	0.00%	42.11%
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0				
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	8	8	100.00%	0.00%	50.00%
<b>Người Da trắng</b>	27	27	100.00%	0.00%	62.96%
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	43	43	100.00%	0.00%	30.23%
<b>Những đứa con nuôi</b>	1	1	100.00%	0.00%	100.00%
<b>Vô gia cư</b>	13	13	100.00%	0.00%	53.85%
<b>Quốc phòng</b>	15	15	100.00%	0.00%	66.67%
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	117	116	99.15%	0.85%	55.17%
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0				
<b>Học sinh khuyết tật</b>	23	23	100.00%	0.00%	21.74%

\*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

## Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 (i-Ready Reading/Math Diagnostic)

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	189	188	99.47%	0.53%	71.28%
<b>Nữ</b>	94	94	100.00%	0.00%	76.60%
<b>Nam</b>	95	94	98.95%	1.05%	65.96%
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	0				
<b>Người gốc Châu Á</b>	113	112	99.12%	0.88%	80.36%
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	1	1	100.00%	0.00%	100.00%
<b>Người Phi Luật Tân</b>	2	2	100.00%	0.00%	100.00%
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	38	38	100.00%	0.00%	44.74%
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	0				
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	8	8	100.00%	0.00%	50.00%
<b>Người Da trắng</b>	27	27	100.00%	0.00%	74.07%
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	43	43	100.00%	0.00%	48.84%
<b>Những đứa con nuôi</b>	1	1	100.00%	0.00%	0.00%
<b>Vô gia cư</b>	13	13	100.00%	0.00%	69.23%
<b>Quốc phòng</b>	15	15	100.00%	0.00%	66.67%
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	117	116	99.15%	0.85%	64.66%
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0				
<b>Học sinh khuyết tật</b>	23	23	100.00%	0.00%	17.39%

\*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

## Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu đó không có sẵn do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc trì hoãn bài kiểm tra định kỳ. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
<b>Khoa học</b> (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	Không có thông tin	NT	N/A	NT	N/A	28.72

## 2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Các ô dữ liệu có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	76	NT	NT	NT	NT
Nữ	42	NT	NT	NT	NT
Nam	34	NT	NT	NT	NT
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	45	NT	NT	NT	NT
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0	0	0
Người Phi Luật Tân	0	0	0	0	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	19	NT	NT	NT	NT
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	NT	NT	NT	NT
Người Da trắng	11	NT	NT	NT	NT
Sinh viên nói tiếng anh	18	NT	NT	NT	NT
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	--	NT	NT	NT	NT
Quốc phòng	--	NT	NT	NT	NT
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	49	NT	NT	NT	NT
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	NT	NT	NT	NT

## B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

## 2020-21 Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California

Do đại dịch COVID-19, bài Kiểm tra thể chất cho năm học 2020 – 2021 đã bị tạm dừng, do đó, không có dữ liệu nào được báo cáo và mỗi ô trong bảng này được điền giá trị "N/A".

Cấp lớp	Phần trăm học sinh đạt Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
Lớp 5	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	N/A	N/A	N/A

## C. Tham Gia

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

#### 2021-22 Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh

Chúng tôi khuyến khích phụ huynh tham gia vào trải nghiệm học tập của con họ. Có một số cách để tham gia bao gồm việc làm tình nguyện trong lớp học, đi kèm một chuyến dã ngoại, làm việc trong thư viện của chúng tôi khi an toàn để tham gia vào bất kỳ hoạt động nào trong số này, hoặc tham gia một trong nhiều sự kiện của trường qua Zoom hoặc trực tiếp. Ngoài ra, chúng tôi còn khuyến khích phụ huynh tham gia vào quá trình ra quyết định như một phần của Hội đồng Trường, Tổ chức Phụ huynh và Giáo viên, hay Hội đồng Cố vấn cho Người học Anh ngữ của chúng tôi. Phụ huynh luôn cập nhật thông tin thường xuyên về các sự kiện và hoạt động của trường sắp diễn ra thông qua thông báo Parent Square bao gồm tin nhắn và email. Star View cũng sử dụng Instagram, tờ rơi, thư từ, bản tin, hội nghị phụ huynh, báo cáo tiến độ, marquee của trường, trang web của trường và học khu, và hệ thống nhắn tin điện thoại tự động. Vui lòng liên lạc với bất kỳ nhân viên văn phòng nhà trường nào theo số (714) 897-1009 để biết thêm thông tin về cách tham gia.

#### Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Bất kỳ học sinh	429	417	41	9.8
Nữ	205	204	14	6.9
Nam	224	213	27	12.7
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	1	1	0	0.0
Người gốc Châu Á	242	234	18	7.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	2	2	0	0.0
Người Phi Luật Tân	7	6	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	96	93	12	12.9
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	2	2	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	21	21	4	19.0
Người Da trắng	56	56	6	10.7
Sinh viên nói tiếng anh	126	126	11	8.7
Những đứa con nuôi	2	2	0	0.0
Vô gia cư	24	24	2	8.3
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	265	259	30	11.6
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	66	65	13	20.0

## C. Tham Gia

### Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

### Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2018-19	Trường 2020-21	Học khu 2018-19	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2018-19	Tiểu bang 2020-21
Đình chỉ	0.63	0.00	2.16	0.16	3.47	0.20
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.08	0.00

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 2020 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 2020 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	0.00	0.97	2.45
Đuổi học	0.00	0.00	0.05



## Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Suspensions Rate	Expulsions Rate
Bất kỳ học sinh	0.00	0.00
Nữ	0.00	0.00
Nam	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.00	0.00
Người Phi Luật Tân	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.00	0.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0.00	0.00
Người Da trắng	0.00	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	0.00	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.00	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	0.00	0.00

## 2021-22 Kế Hoạch An Toàn Trường Học

Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện được lập cho Star View Elementary School phối hợp với Hội đồng Trường, các cơ quan địa phương, và văn phòng Học khu, để hoàn thành các yêu cầu của Dự luật Thượng viện 187. Các thành phần của kế hoạch này bao gồm quy trình báo cáo ngược đãi trẻ em, thông báo cho giáo viên về học sinh nguy hiểm, ứng phó với thảm họa, các quy trình đến trường và về nhà an toàn, quấy rối tình dục, ức hiếp, và chính sách về trang phục. Kế hoạch an toàn trường học mới nhất của trường đã được xem xét và cập nhật vào Tháng Mười, 2021.

## D. Thông Tin Khác của SARC Thông tin cần có trong SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

## 2018-19 Tiểu Học Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2018-19. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục "Các lớp khác" dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	20	1	4	
1	29		2	
2	29		2	
3	24		3	
4	30		2	
5	31		3	
6				
Khác	13	1		

## 2019-20 Tiểu Học Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục "Các lớp khác" dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	24	1	2	
1	26		2	
2	29		1	
3	25		2	
4	31		2	
5	34			2
6				
Khác	20	2	3	

## 2020-21 Tiểu Học Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	10	6	1	
1	14	3		
2	12	3	1	
3	8	5	1	
4	16	1		
5	9	5	1	
6				
Khác	17	5	3	

## 2020-21 Tỷ lệ Cố vấn Học tập trên số học sinh

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Cố vấn Học tập trên số học sinh	N/A

## 2020-21 Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	0
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	0
Nhà Tâm Lý Học	0.4
Nhân viên Xã hội	0
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	1
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	0

## 2019-20 Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2019 – 2020 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	5593.10	223.49	5369.61	92875
Số Tiền của	N/A	N/A	5350.37	\$93,235
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	0.4	-0.4
Tiểu bang			\$8,444	\$85,863
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	-44.5	7.8

## 2020-21 Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ

Ngoài nguồn ngân sách từ tiểu bang, Học khu Ocean View còn nhận được tài trợ từ chính quyền tiểu bang và liên bang cho các chương trình đặc biệt. Hàng năm, Khu học chánh đều nhận được quỹ hỗ trợ, giáo dục đặc biệt và xác thực dành cho:

Các Chương Trình Không Hạn Chế:  
Xổ Số Tiểu Bang

Các chương trình giới hạn:  
Các Chương Trình Liên Bang  
Tựa đề I/Tựa đề II/Tựa đề IV  
Thanh Toán Hóa Đơn Medi-Cal  
Ngân Sách Giáo Dục Đặc Biệt

Các Chương Trình của Tiểu Bang  
Xổ Số: Tài liệu hướng dẫn  
Hiệu quả Làm việc của Giáo viên  
-----

## 2019-20 Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2019 – 2020. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Số Tiền của Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$43,329	\$52,060
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$85,673	\$84,043
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$107,278	\$107,043
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Tiểu Học)	\$130,832	\$133,582
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Trung Học Cơ Sở)	\$132,966	\$138,803
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Trung Học)	\$0	\$133,845
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$236,945	\$240,628
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	39%	35%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5%	5%

## Phát triển Chuyên môn

Do COVID, việc phát triển chuyên môn tiếp tục được điều chỉnh. Trong năm 2020-21, các Thứ Tư có bố trí thời gian để tập huấn bao gồm hai buổi tập huấn i-Ready. Hai ngày học sinh nghỉ học cũng được bố trí vào lịch làm việc và chỉ có các cơ hội mà TẤT CẢ giáo viên tham gia trong năm. Trong năm học 2021-2022, Giáo viên đã được phát triển chuyên môn về khoa học, ngôn ngữ học thuật, i-Ready, và các biện pháp giải quyết mâu thuẫn.

Trong năm không xảy ra đại dịch COVID, các điểm trường tiểu học đã điều chỉnh lịch trình cho thứ Tư. Học sinh sẽ được cho về sớm nhằm giúp giáo viên có thời gian tập trung phát triển và nâng cao chuyên môn, hợp tác và lập kế hoạch. Hai ngày Thứ Tư hàng tháng được dành cho việc phát triển chuyên môn và hợp tác, còn hai ngày Thứ Tư còn lại trong tháng dành cho hoạt động hợp tác và lập kế hoạch đội ngũ giáo viên. Các cơ hội nâng cao và phát triển chuyên môn khác được cung cấp cho các giáo viên đại diện cho các trường, và từ đó, đội ngũ giáo viên này sẽ phổ biến lại thông tin và kiến thức chuyên môn học tập được cho các quản trị viên trang Web của trường để chia sẻ kiến thức cho tập thể nhân viên nhà trường.

Từ 2018 đến 2021, giáo viên của Star View đã tham gia vào các hoạt động phát triển hướng nghiệp dành cho giáo viên sau đây:

- Đào tạo Bộ công cụ Kỹ năng Nền tảng
- Đào tạo về Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn
- Nói về Toán học TK-5
- Chuyên sâu và Phức tạp
- Hướng dẫn tạo sự khác biệt: Tối ưu hóa Khả năng học tập của Học sinh Tài năng
- Tiêu Chuẩn Khoa Học Thế Hệ Mới
- Đào tạo Giáo Viên Công Nghệ TK-8
- Đào tạo Bản Đồ Tư Duy
- Viết Từ khi Bắt đầu dành cho Lớp 5
- Đào tạo Phát triển Giáo Viên về Toán Học Không Gian-Thời Gian
- Đào tạo về Hướng dẫn Nhận thức dành cho Giáo viên lớp TK-3
- Đào tạo Tình cảm và Xã hội
- Đọc và Toán iReady/đánh giá và giảng dạy Nghệ thuật Ngôn ngữ

## Phát triển Chuyên môn

Trường Tiểu học Star View hỗ trợ giáo viên mới và giáo viên kỳ cựu thông qua chương trình huấn luyện và kèm theo cặp. Các trợ giảng cung cấp các chương trình đào tạo theo mục tiêu, tập trung vào các chiến lược giảng dạy và nội dung của chương trình giảng dạy. Các giáo viên thay thế được mời tham gia vào các hoạt động phát triển nhân viên được chỉ định. Toàn thể đội ngũ giáo viên được khuyến khích tham gia hội nghị và hội thảo về chuyên môn. Đội ngũ hỗ trợ có bằng cấp được đào tạo về các công việc liên quan bởi các giám sát viên của khoa và đại diện của Học Khu.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2019-20	2020-21	2021-22
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	4.5	2.0	2

# Học Khu Ocean View

## Phụ lục Thẻ Báo cáo Trách nhiệm của Địa phương (LARC) Năm Học 2020-21

### Phụ lục Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm của Địa Phương (LARC)

#### Tổng quan về Phụ Lục Báo Cáo Trách nhiệm của Địa Phương (LARC) Năm Học 2020-21

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, Ủy ban Giáo dục Tiểu bang California (State Board of Education, SBE) xác định rằng Bộ Giáo dục California (CDE) sẽ sử dụng SARC làm cơ chế để tiến hành thu thập dữ liệu một lần về kết quả kiểm tra tổng hợp cấp LEA của tất cả bài đánh giá tại địa phương của trường được thực hiện trong năm học 2020–2021 để đáp ứng yêu cầu báo cáo của Đạo luật Mọi Học sinh Thành công (Every Students Succeeds Act, ESSA) liên bang đối với Thẻ Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Cơ quan Giáo dục Địa phương (LARC).

Mỗi cơ quan giáo dục địa phương (LEA) sẽ chịu trách nhiệm lập và đăng LARC hàng năm của họ theo ESSA liên bang. Theo thường lệ, CDE sẽ thay mặt cho tất cả LEA lập và đăng các LARC.

Chỉ trong năm học 2020–2021 và các LARC 2020–2021, các LEA được yêu cầu báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá tổng hợp tại địa phương của họ ở cấp LEA cho CDE bằng cách điền các bảng bên dưới qua SARC. Những dữ liệu này sẽ được sử dụng để đáp ứng yêu cầu liên bang của LEA đối với LARC của họ. Lưu ý rằng nhà trường và LEA có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các quy tắc về quyền riêng tư và ngăn chặn dữ liệu của học sinh được áp dụng khi báo cáo dữ liệu trong Bảng 3 và 4 trong Phụ lục theo quy định hiện hành.

Các bảng dưới đây không phải là một phần của mẫu SARC 2020–2021 được SBE phê duyệt mà là cơ chế mà các dữ liệu bắt buộc này sẽ được thu thập từ các LEA.

Nhằm phục vụ mục đích liên quan tới LARC và diễn giải các bảng sau, LEA được định nghĩa là một khu học chánh, một văn phòng giáo dục của quận, hoặc một trường bán công được tài trợ trực tiếp.

### Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

Tên Học khu	Học Khu Ocean View
Số điện thoại	(714) 847-2551
Giám đốc	Dr. Carol Hansen
Địa chỉ Email	chansen@ovsd.org

## 2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	5060	42	0.83	99.17	9.52
Nữ	2454	11	0.45	99.55	0.00
Nam	2603	31	1.19	98.81	12.90
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	14	0	--	100.00	--
Người gốc Châu Á	746	6	0.80	99.20	--
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	47	0	0.00	100.00	--
Người Phi Luật Tân	43	2	4.65	95.35	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2085	20	0.96	99.04	5.00
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	14	0	0.00	100.00	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	372	2	0.54	99.46	--
Người Da trắng	1739	12	0.69	99.31	16.67
Sinh viên nói tiếng anh	934	18	1.93	98.07	11.11
Những đứa con nuôi	27	2	7.41	92.59	--
Vô gia cư	568	8	1.41	98.59	--
Quốc phòng	246	5	2.03	97.97	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	2880	29	1.01	98.99	13.79
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	684	42	6.14	93.86	9.52

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị “NT” vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	5060	42	0.83	99.17	0.00
Nữ	2454	11	0.45	99.55	0.00
Nam	2603	31	1.19	98.81	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	14	0	--	100.00	--
Người gốc Châu Á	746	6	0.80	99.20	--
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	47	0	0.00	100.00	--
Người Phi Luật Tân	43	2	4.65	95.35	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2085	20	0.96	99.04	0.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	14	0	0.00	100.00	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	372	2	0.54	99.46	--
Người Da trắng	1739	12	0.69		0.00
Sinh viên nói tiếng anh	934	18	1.93	98.07	0.00
Những đứa con nuôi	27	2	7.41	92.59	--
Vô gia cư	568	8	1.41	98.59	--
Quốc phòng	246	5	2.03	97.97	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	2880	29	1.01	98.99	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	684	42	6.14	93.86	0.00

## Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

\*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

## Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

\*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.